

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

VỀ VĂN HOÁ GIAO TIẾP-ỨNG XỬ NGÔN NGỮ TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG VẤN TRÊN ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

TRẦN PHÚC TRUNG
(ThS, Đài Truyền hình Việt Nam)

1. Dẫn nhập

Truyền hình bắt đầu phát triển từ sau thế chiến lần thứ II, trong hơn 50 năm qua nó đã giữ một vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, chính trị, xã hội của người dân trên khắp thế giới. Ngày nay, truyền hình không chỉ đóng vai trò là nhà cung cấp thông tin, giải trí mà còn có tác dụng rút ngắn không gian và thời gian giữa con người với con người. Hơn thế, truyền hình còn được coi là cửa sổ mở ra thế giới, nó thể hiện khát vọng về một thế giới chung cho tất cả mọi người ở tất cả mọi nơi, đem lại cho khán giả tấm gương phản chiếu cuộc sống của chính họ. Hay nói như Anthony Giddens (2001): Truyền hình không chỉ “thể hiện” thế giới cho chúng ta, nó ngày càng xác định thế giới mà chúng ta đang sống là gì?

Như vậy, truyền hình không chỉ đơn thuần là truyền hình mà còn là cầu nối, giao lưu giữa người làm chương trình với khán giả, đồng thời nó còn là một phương tiện giao tiếp đáng tin cậy.

Vì những lí do đó, truyền hình đã và đang phát triển không ngừng cả về chất lượng và số lượng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khán giả. Trong sự lớn mạnh chung đó không thể không nói đến vai trò đặc biệt quan trọng của phỏng vấn truyền hình.

Với việc kết hợp giữa ngôn ngữ, mà ở đây là dạng lời nói và những yếu tố phi lời, phỏng vấn truyền hình được coi là là “cuộc nói chuyện nguyên chất, sống động và hấp dẫn nhất” mà khán giả là người được “tận mắt” chứng kiến.

Phòng vấn hướng đến việc lấy được thông tin dễ hiểu và rõ ràng từ “đối tác” trong thời gian ngắn nhất bằng cách đối thoại trực diện, trong đó người phỏng vấn (SP₁) chủ động nêu câu hỏi và “đối tượng” - người được phỏng vấn (SP₂) - trả lời nhằm cung cấp thông tin cho “một người thứ ba” - chính là khán giả.

Thông qua trao đổi hỏi - đáp giữa SP₁ và SP₂, khán giả sẽ có được thông tin, đồng thời phong cách, văn hóa giao tiếp, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, nghệ thuật ứng xử của những người tham gia giao tiếp cũng được thể hiện một cách rõ nét. Như vậy, phỏng vấn truyền hình vừa là một thể loại báo chí vừa là một thủ pháp, trong đó việc sử dụng ngôn từ được coi như là một chiến lược của giao tiếp phỏng vấn.

2. Văn hóa giao tiếp, ứng xử ngôn ngữ trong hoạt động phỏng vấn truyền hình

Theo Lê-nin, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất, nó tạo ra cơ sở vật chất cho tất cả các phương tiện giao tiếp khác. Bằng sự tồn tại và chức năng của mình, ngôn ngữ gắn chặt với sự tồn tại và

chức năng của xã hội loài người [9, tr.151]. Vì thế, từ những thập niên cuối thế kỉ XX, ngôn ngữ không còn và không chỉ được nghiên cứu thuần túy như một hệ thống mà được xem xét dưới nhiều hình thức khác nhau của hoạt động giao tiếp. Khi tiếp cận theo hướng này, các nhà nghiên cứu đã dần dần nhận thấy tầm quan trọng của văn hóa trong giao tiếp, ứng xử ngôn ngữ. Đồng thời, việc nghiên cứu cũng đã không chỉ đem lại những thành tựu mang tính lí luận sâu sắc mà còn mang ý nghĩa thực tiễn to lớn trong việc ứng dụng, sử dụng ngôn ngữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ngôn ngữ báo chí nói chung và ngôn ngữ phỏng vấn nói riêng là một trong những lĩnh vực nhạy cảm của đời sống xã hội. Nó nằm ngay trong xã hội nên bị chi phối bởi xã hội, nhưng là vì một loại hình đặc thù nên nó tác động mạnh mẽ trở lại các lĩnh vực khác của xã hội. Vì vậy, nhiệm vụ của phóng viên là xác định được mục đích của từng chương trình cụ thể để đưa ra những câu hỏi và chiến lược giao tiếp hội thoại phù hợp. Ví dụ như câu hỏi trong chương trình Thời sự thì phải rõ ràng, mạch lạc và tập trung vào vấn đề, sự kiện đang đề cập; trong phỏng vấn Chân dung thì câu hỏi mang tính tâm tình, chia sẻ, chứa đựng cảm xúc và có thể tạo sự bất ngờ cho người được phỏng vấn; phỏng vấn trong chương trình Trò chơi, Giải trí thì không có sự thống nhất về nội dung, chủ đề và tâm lí của người tham gia cũng thoải mái hơn v.v..

Hơn nữa, truyền hình luôn bị đốc thúc về mặt thời gian nên trong quá trình đặt câu hỏi nên sử dụng các phát ngôn ngữ vi - tức là phát ngôn mà khi người ta nói chúng thì đồng thời người ta cũng thực hiện luôn cái việc được biểu thị trong phát ngôn [4, tr.75]. Theo đó, sử dụng hợp lí các biểu thức ngữ vi để hỏi như nhấn mạnh trọng tâm vấn đề cần hỏi bằng cách lên giọng hay dùng các cấu trúc câu có tình thái biểu thị nghi vấn dạng như: Có giải pháp gì? Giải quyết vấn đề này như thế nào? Có

phản ứng gì? v.v.. hoặc các câu cầu khiến như: Xin cho biết? Hãy cho biết? Có thể cho biết? v.v..

Ví dụ:

[1] - Thừa Bộ trưởng, trong khi chờ đợi các kết quả xét nghiệm cũng như các kết quả của các nhà khoa học để đưa ra kết luận cuối cùng thì *các giải pháp trước mắt là gì?*

(Trích câu hỏi phỏng vấn Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong chương trình Thời sự, phát trên kênh VTV1 ngày 04/11/2005)

[2] - Hiện nay, tất cả các doanh nghiệp ở Việt Nam đều nhận thấy rằng tri thức có vai trò quyết định với thành bại trong cạnh tranh trên thương trường. Tuy nhiên, họ chưa hẳn đã biết mình phải tập trung trau dồi những kiến thức gì hay họ phải tham gia vào những khóa học nào. Vậy bà *có lời khuyên nào* với họ không?

(Trích câu hỏi trong buổi phỏng vấn ông bà Giáo sư Lindsay R.Dodd của chương trình Hội nhập phát trên kênh VTV1, ngày 22/10/2007).

[3] - Ông *có thể cho biết* kĩ hơn là trong 9 cái vụ án trọng điểm này thì đâu là cái biểu hiện, đâu là cái dấu hiệu cho thấy cái tính chất và mức độ phức tạp của nó có thể nhìn nhận ở các góc độ khác nhau?

(Trích câu hỏi phỏng vấn Thiếu tướng Phạm Quý Ngọ, Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an về tình hình điều tra các vụ án tham nhũng trọng điểm, trong chương trình Thời sự, phát trên kênh VTV1 ngày 18/01/2007).

Không những thế, trong phỏng vấn truyền hình, khi đặt câu hỏi SP₁ phải tính đến sự phù hợp trong bối cảnh giao tiếp cũng như tránh các câu hỏi mà vấn đề vừa được nêu trong phóng sự trình chiếu. Nếu không sẽ gây ra sự phản cảm cho khán giả.

Một điểm cần lưu ý nữa đó là tính linh động, linh hoạt của ngôn ngữ, điều này cũng đúng với cả ngôn ngữ phỏng vấn trên truyền hình. Yếu tố này thể hiện ngay trong

ngôn ngữ xưng hô cũng như ngôn ngữ diễn tả cho phù hợp với từng ngữ cảnh nhất định.

Trong câu hỏi phỏng vấn tùy vào đối tượng, hoàn cảnh, sự việc, SP₁ có thể sử dụng nhiều tình thái khác nhau bằng cách kết hợp các câu hỏi nghi vấn, tình thái v.v.. Tuy nhiên, để có được điều này đòi hỏi SP₁ phải nắm vững bản chất của ngôn ngữ - nó được hình thành từ hai yếu tố quan trọng, đó là: năng lực ngôn ngữ (thuộc phạm trù tâm lí) và ngôn ngữ học ứng dụng (thuộc phạm trù xã hội). Và, SP₁ không chỉ đơn thuần là người đưa ra các câu hỏi mà còn cần biết cách nắm bắt tâm lí, trình độ hiểu biết, năng lực ngôn ngữ của SP₂.

Hơn thế, giống như mọi hình thức giao tiếp, giao tiếp trong phỏng vấn truyền hình phải tuân theo những quy tắc về chuẩn mực ứng xử trong xã hội. Các chuẩn mực này được thể hiện rõ nét qua những quy tắc ứng xử của ngôn ngữ. Theo các nhà nghiên cứu về lí thuyết giao tiếp và lí thuyết lịch sự thì những chuẩn mực ứng xử xã hội và chuẩn mực ứng xử ngôn ngữ bao giờ cũng mang đậm tính truyền thống và bản sắc dân tộc.

Còn nếu: “Xét ở góc độ ngôn ngữ, mỗi cuộc phỏng vấn là một cuộc thoại tương đối đặc biệt. Đó là cuộc trao đổi được xây dựng theo những nguyên tắc nhất định của giao tiếp nghề báo” [7]. Theo đó, hình thức thể hiện chủ yếu dựa trên hành động hỏi - đáp giữa SP₁ và SP₂. Và trong chuỗi hành động này, căn cứ vào số lượng và chất lượng lượt lời người ta có thể “suy ra” được thái độ của những người tham gia giao tiếp. Chẳng hạn, khi SP₂ không trả lời hoặc trả lời không đúng với nội dung câu hỏi mà SP₁ đưa ra, thì hành động hỏi sẽ bị coi là vi phạm nguyên tắc lịch sự. Hoặc, SP₂ trả lời đúng trọng tâm, trọng điểm nhưng thái độ không hướng ứng hoặc tỏ ra khó chịu, bất hợp tác thì hành động hỏi đó cũng bị đánh giá tiêu cực về phép lịch sự.

Có thể nói, trong phỏng vấn truyền hình, lịch sự là một yếu tố quan trọng vừa bị chi phối bởi chuẩn mực xã hội, vừa có tác động mạnh mẽ trở lại đối với hoạt động giao tiếp trong đời sống xã hội. Và, xét trong nội tại của cuộc phỏng vấn, lịch sự cùng với “nguyên tắc công tác” đã trở thành một trong những yếu tố tiên quyết quyết định hiệu quả thông tin từ hoạt động giao tiếp giữa các bên tham gia giao tiếp.

3. Một vài biểu hiện của việc vi phạm nguyên tắc lịch sự trong hoạt động phỏng vấn truyền hình

Phỏng vấn truyền hình về bản chất là cuộc trao đổi, hỏi - đáp giữa một bên là đại diện của “nhà đài” và một bên là khách mời, nhưng xét đến cùng đó lại là một cuộc “trao đổi mở” vì toàn bộ nội dung của cuộc phỏng vấn sẽ được công chiếu phục vụ cho khán giả xem truyền hình. Vì vậy, yêu cầu về đảm bảo “nguyên tắc lịch sự” càng trở nên quan trọng.

Lịch sự trong phỏng vấn truyền hình phải được chú trọng ở tất cả các yếu tố, công đoạn nhằm giữ mối liên hệ giữa SP₁ và SP₂. Tuy nhiên, trong một số hành động hỏi của SP₁ trên sóng Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), chúng tôi nhận thấy còn bộc lộ một số hạn chế về mặt ứng xử ngôn ngữ dẫn đến những hạn chế trong việc tuân thủ nguyên tắc giữ thể diện cho những người tham gia giao tiếp trên truyền hình.

Thứ nhất, trong các cuộc phỏng vấn rất nhiều SP₁ sử dụng từ “muốn” trong khi đặt câu hỏi với SP₂.

Xét các ví dụ:

[4] - Xin chào anh Nam, và câu hỏi đầu tiên của tôi **muốn** dành cho anh là anh thấy thế nào khi chứng kiến màn biểu diễn rất sôi động vừa rồi của các bạn nhóm Haley?

(Trích câu hỏi phỏng vấn ông Dương Xuân Nam, Tổng Biên tập Báo Tiền phong trong chương trình Người đương thời, phát trên kênh VTV1).

[5] - Và tôi **muốn** thầy kể thầy thích tiếng Anh tới mức nào?

(Trích câu hỏi phỏng vấn thầy giáo tiếng Anh Nguyễn Quốc Hùng trong chương trình Người đương thời, phát trên kênh VTV1).

[6] - Vâng thưa cô Thương, chúng tôi **muốn** nghe ý kiến của cô về vấn đề này. Về dự án hỗ trợ này?

(Trích câu hỏi phỏng vấn trong chương trình Người xây tổ ấm, phát trên kênh VTV1).

[7] - Và hiện nay chúng tôi cũng **muốn** có một câu hỏi ngay từ trước khi xảy ra cơn bão số 9 là tại sao mà cường độ các cơn bão mạnh lại diễn ra thường xuyên, liên tục trong năm nay và những yếu tố nào để có thể hình thành nên một cơn bão mạnh như vậy, trong một thời gian ngắn như vậy?

(Trích câu hỏi trong phỏng vấn ông Bùi Minh Tăng, Giám đốc Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn về hướng đi và cường độ của cơn bão số 10, phát trên kênh VTV1 ngày 11/12/2006)

Ta thấy rằng trong tiếng Việt “muốn” là động từ tình thái không thể hiện mong ước của chủ thể phát ngôn. Tùy theo từng phát ngôn, văn cảnh mà “muốn” có những sắc thái nghĩa khác nhau.

Chẳng hạn “muốn” ở ví dụ [5], [6] là “muốn thầy kể...”, “muốn nghe ý kiến...”, tức là nó thể hiện một ước muốn của người đối thoại được biết về một điều gì đó từ phía “đối tác”. Nhưng nếu như “muốn biết rõ...” hoặc “muốn biết thêm...” thì đó lại thể hiện ý định chủ quan của người nói, với nghĩa: yêu cầu, đề nghị, bắt buộc SP₂ phải hành động theo ý kiến chủ quan của SP₁ mà không có khả năng lựa chọn hay từ chối. Ví dụ: Tôi **muốn biết rõ thêm** những quan điểm của ông về vấn đề này?

Quan sát ví dụ [7] ta thấy đây là một câu hỏi vi phạm nguyên tắc lịch sự, không tuân thủ theo phương châm khéo léo và có hành vi đe dọa thể diện tiêu cực đến người nghe/ người được phỏng vấn vì câu hỏi có phần

mang tính trịnh thượng. Ở ví dụ [7], ta dễ dàng nhận thấy đứng về vai giao tiếp hai đối tượng này có hai vị thế khác nhau. Họ đều đại diện cho hai cơ quan của Nhà nước, nhưng một bên là phóng viên của VTV còn một bên là đại diện cho Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn. Bên cạnh đó, xét về chức vụ và tuổi tác thì người hỏi ở vị thế thấp hơn người trả lời. Ở đây người hỏi chỉ là phóng viên còn người trả lời là Giám đốc Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn và đã có nhiều năm tuổi đời cũng như tuổi nghề. Như vậy, ví dụ [7] đã có những phát ngôn vi phạm các nguyên tắc lịch sự, cụ thể là:

- Trong xưng hô: Ta thấy không có từ xưng hô trong câu hỏi mà đáng lí ra phải có như: Thưa ông.

- Câu không có chủ ngữ: “Và hiện nay chúng tôi cũng **muốn** có một câu hỏi ngay từ trước khi

- “Muốn + hỏi” ở đây tỏ thái độ trịnh thượng, không khiêm nhường, trái với nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Trên thực tế, trong tiếng Việt chúng ta có thể thay thế từ “muốn” bằng các cụm từ khác như: xin phép, xin được hỏi, xin phép được hỏi, cho phép tôi được hỏi v.v.. mà vẫn thể hiện được mong muốn đề nghị hay thỉnh cầu điều gì đó, đồng thời lại thể hiện được sự khéo léo, tế nhị và tinh tế trong giao tiếp, ứng xử.

Bên cạnh từ tình thái “muốn” ta thấy “có thể” chiếm tỉ lệ khá lớn trong các phát ngôn của phóng viên VTV. Ví dụ:

[8] - Ông có thể kể ra một câu chuyện như vậy không?

(Trích câu hỏi phỏng vấn ông Dương Xuân Nam, Tổng Biên tập Báo Tiền phong trong chương trình Người đương thời, phát trên kênh VTV1).

[9] - Giai đoạn học tiếng Anh bốn tháng đó thì anh có bí quyết gì hoặc là cách học gì anh đúc rút ra hoặc bất cứ cái gì anh có thể chia sẻ với khán giả truyền hình được?

(Trích câu hỏi phỏng vấn thầy giáo tiếng Anh Nguyễn Quốc Hùng trong chương trình Người đương thời, phát trên kênh VTV1).

[10] - Quê Trần có thể nói cho khán giả biết được là trong dòng tộc của nhà mình thì có được bao nhiêu người theo cái nghề này?

(Trích câu hỏi phỏng vấn Quê Trần trong chương trình Dành cho người hâm mộ, phát trên kênh VTV3, ngày 17/4/2007 do BTV Thanh Hạnh thực hiện).

[11] - Chị có thể gọi tặng khán giả của chương trình chúng tôi ngày hôm nay một đoạn trong bài “Không phải em” được không? Bởi vì không phải là chúng, ch.ú..ng bởi vì chúng tôi không phải ai cũng có mặt trong những chương trình như vậy của chị.

(Trích câu hỏi phỏng vấn nghệ sĩ Siu Blach trong chương trình Dành cho người hâm mộ, phát trên kênh VTV4 do BTV Anh Xuân thực hiện).

[12] - Thưa cô, với cương vị là Phó Chủ tịch của Hội Hóa học Việt Nam thì cô đã có rất là nhiều công trình có tính ứng dụng. Vậy cô có thể cho cháu biết một số nét chính của công trình này được không ạ?

(Trích câu hỏi phỏng vấn nghệ sĩ Siu Blach trong chương trình Dành cho người hâm mộ, phát trên kênh VTV4 do BTV Anh Xuân thực hiện).

Quan sát các ví dụ từ [8] đến [12] ta thấy từ “có thể” đã trở thành một yếu tố cấu thành trong hầu hết các phát ngôn hỏi của phóng viên nhà đài, bất kể người được hỏi là ai.

Xét về tổng thể, trong tiếng Việt “có thể” thường được dùng trong câu tường thuật với nghĩa là “có khả năng hoặc có điều kiện chủ quan/khách quan”. Song trong các ví dụ trên lại được biểu thị hành vi ngôn ngữ hỏi mang ý nghĩa yêu cầu/ đề nghị. Và trong thực tế nói năng, trường hợp này “có thể” lại mang nghĩa phái sinh đó là “lệnh tình thái”, tức là ở đó nó mang sắc thái nghĩa bắt buộc, quyết định hay điều khiển một điều gì đó.

Như vậy, khi nghe những phát ngôn trên, SP₂ có cảm giác SP₁ bắt buộc hay thậm chí ra lệnh cho SP₂ trả lời những gì mà SP₁ đặt ra. Với những phát ngôn này vô tình đã gây phản ứng không mấy thiện cảm cho người tiếp nhận. Và xét về khía cạnh nào đó đây đều là những ví dụ không thích hợp với những hoàn cảnh giao tiếp mang tính lịch sự - văn hóa của người Việt.

Thứ hai, đó là biểu hiện sự thiếu cộng tác trong hội thoại.

Trong giao tiếp nói chung và giao tiếp trong phỏng vấn nói riêng, các bên tham gia phải tuân thủ một nguyên tắc bất di bất dịch đó là “sự hợp tác”. Nghĩa là các bên tham gia giao tiếp phải hợp tác với nhau để đảm bảo cho quá trình giao tiếp diễn ra một cách thuận lợi. Nguyên tắc hợp tác đã được các nhà nghiên cứu cụ thể hóa dưới dạng một số các quy tắc. Grice gọi đó là những phương châm hội thoại.

Theo Grice [GRICE, 1979], để có một cuộc thoại bình thường, các bên tham thoại cần tuân thủ 4 phương châm hội thoại (conversational maxim) sau: 1/ Phương châm về lượng (maxime de quantité/ maxim of quantity); 2/ Phương châm về chất (maxime de qualité/ quality maxim); 3/ Phương châm về quan hệ (maxime de relation/ maxim of relevance); 4/ Phương châm về phương thức (maxime de modalité ou de manière/ manner maxim). [dẫn theo 11, tr.33]

Nhưng trên thực tế đã có không ít các trường hợp các bên tham gia hội thoại vi phạm phương châm hội thoại. Điều này dẫn đến sự không “ăn khớp” trong cuộc phỏng vấn, tức là SP₁ hỏi một đằng, SP₂ trả lời một nẻo, hoặc là chỉ trả lời được một phần của câu hỏi. Xét các ví dụ sau đây:

Ví dụ [13]:

Q (Question - Hỏi): Thưa anh Hùng, được những lời của chồng giống như là chồng chị Trang ạ thì chị Trang đã tự tin hơn và không còn ngại những phút xao lòng của chồng nữa ạ. Anh tiếp sự tự tin cho vợ anh bằng cách nào?

A (Answer - Trả lời): Nếu người phụ nữ ngoài 40 thì người đàn ông cũng đến tuổi gần 50 “Ngũ thập tri thiên mệnh” và chính vì vậy họ cũng phải nghĩ tới những cái giá trị nó bền vững, nó cao cả, nó cao quý. Thế cho nên không ai nghĩ tới thay đổi những gì mình đang có tức là ổn định. Nhưng tôi cũng nghe vợ tôi nói một câu này mà tôi cho rằng đó chứng tỏ là cô ấy có tự tin. Cô nói rằng: “Người như anh mà không có bạn thì điều bất bình thường (mọi người cười) nhưng điều quan trọng là anh không bao giờ xa rời gia đình, vợ con”. Thì tôi cho rằng người phụ nữ phải làm sao để người đàn ông khi người ta rời khỏi công việc của họ và họ muốn trở về nhà. Nếu đàn ông xây nhà, thì phụ nữ phải là xây tổ, phải giữ lửa trong bếp, phải giữ hồn trong gia đình, phải làm sao để là người yêu, người bạn, người tình của chồng rồi thì đương nhiên cũng là người nêu gương trong gia đình.

(Trích trả lời của ông Nguyễn Việt Hùng trong chương trình Người xây Tổ ấm với chủ đề “Tự tin tuổi 40” phát trên VTV1, ngày 18/5/2007)

Ví dụ [14]:

Q: Cái quy trình của tòa án chúng ta xét xử một vụ ly hôn như thế nào ạ?

A: Thông qua cái quá trình điều tra, tức là lấy lời khai của hai bên, để cho hai bên đều khai sau đó chúng tôi sẽ hòa giải.

(Trích trả lời khách mời trong chương trình Người xây Tổ ấm trên VTV1 với chủ đề “Hãy lắng nghe lời con”)

Ví dụ [13] và [14] trên đây cho thấy những người tham gia hội thoại đã vi phạm phương châm hội thoại. Cụ thể là:

Q13: Anh tiếp sự tự tin cho vợ anh bằng cách nào?

Với câu hỏi này, SP₁ mong muốn SP₂ “cung cấp” một thông tin là “bằng cách nào anh làm cho vợ anh tự tin khi chị bước sang tuổi 40”, nghĩa là làm cho chị cảm thấy và tin tưởng rằng mình vẫn trẻ, đẹp và vẫn hấp dẫn v.v.. Nhưng người trả lời không biết đã vô

tình hay hữu ý mà “quên” đi mất điều này. Anh ta đã đưa ra một loạt các lập luận nhưng người nghe vẫn không tìm thấy được ở đó những thông tin mà mình muốn tìm kiếm, đó là “khám phá” một chút đời tư trong cuộc sống gia đình và một chút “nghệ thuật” sống của anh ta đối với vợ nói riêng và phụ nữ ở tuổi 40 nói chung.

Và như vậy, có thể nói trong chuỗi hỏi - trả lời này người hỏi đã thất bại trong ý đồ GT của mình. Sự thất bại này theo chúng tôi là do “tiêu điểm” hơi mơ hồ, loãng trong một chuỗi (đoạn) lời dài dòng mà không đóng góp những điều có liên quan đến câu chuyện đang diễn ra.

Q14: Cái quy trình của tòa án chúng ta xét xử một vụ ly hôn như thế nào ạ?

Tương tự như Q13, ở đây Q14 là một câu hỏi trực tiếp qua đó đòi hỏi một thông tin đầy đủ về quá trình xét xử một vụ ly hôn từ A đến Z. Nhưng trên thực tế Q14 đã nhận được một câu trả lời nửa vời, thiếu thông tin.

A14: Thông qua cái quá trình điều tra, tức là lấy lời khai của hai bên, để cho hai bên đều khai sau đó chúng tôi sẽ hòa giải.

Kết thúc câu trả lời như vậy sẽ làm cho người nghe hiểu rằng sau khi hòa giải là hoàn tất một quá trình ly hôn và điều này sẽ dẫn đến hai hệ quả sau:

Một là, đối với những người không hiểu biết pháp luật, không có kiến thức thì sẽ nghĩ rằng cứ hòa giải xong là đã tiến hành xong thủ tục ly hôn.

Hai là, đối với những người có kiến thức về pháp luật, những người có học vấn cao sẽ cho rằng người trả lời này chẳng có chút kiến thức nào về luật pháp nhất là Luật hôn nhân, gia đình.

Các câu trả lời A13 và A14 đã không chứa đựng đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của câu hỏi đặt ra và như vậy rõ ràng là đã có sự vi phạm phương châm về lượng. Và điều này cũng đồng nghĩa với việc SP₁ không “sẵn sàng” cho việc trả lời câu hỏi mà SP₂ đưa ra.

Qua đây ta thấy rằng, dù câu hỏi ở dạng thức nào cũng đòi hỏi người hỏi và người trả lời phải hướng tới mục đích chung, nếu không mỗi quan hệ “trong giao tiếp ngôn ngữ” sẽ bị phá vỡ, hệ quả là chất lượng của cuộc phỏng vấn sẽ không cao.

4. Kết luận

Tóm lại, văn hóa thể hiện qua nhiều phương tiện, cách thức, trong đó ngôn ngữ là một trong những phương tiện quan trọng để thể hiện văn hóa. Ngôn ngữ là nơi bảo lưu tinh thần, văn hóa dân tộc, vì lẽ đó ngôn ngữ không chỉ là hiện thân của văn hóa, một thành tố của văn hóa mà còn là phương tiện truyền đạt văn hóa. Nói khác đi, văn hóa và ngôn ngữ có liên hệ chặt chẽ, không thể tách rời. Ngôn ngữ là phương tiện chuyên chở văn hóa và văn hóa chứa đựng trong ngôn ngữ.

Tuy nhiên, ở mỗi quốc gia, dân tộc đều có sự khác biệt về óc thẩm mỹ, về phương pháp tư duy, hay đặc trưng tâm lí v.v.. nên cách diễn đạt ngôn ngữ ở các quốc gia khác nhau sẽ khác nhau. Như vậy, khi nghiên cứu về ngôn ngữ, đặc biệt là vấn đề ứng dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày đòi hỏi người nghiên cứu phải có cái nhìn một cách đúng đắn và toàn diện, đồng thời cũng phải coi chính văn hóa cũng là đối tượng của mình.

Phỏng vấn truyền hình là một loại hình giao tiếp đặc biệt. Nó không chỉ đơn thuần là sản phẩm giao tiếp liên nhân giữa người hỏi và người trả lời mà nó còn là sản phẩm phục vụ cho đông đảo khán giả truyền hình. Xét về mặt nào đó, những ứng xử về mặt ngôn ngữ trên truyền hình còn được người xem, người nghe cho là “chuẩn mực”. Vì vậy, ngôn ngữ phỏng vấn phải nằm trong chuẩn mực ngôn ngữ phổ thông, đại chúng và mối tương quan giữa những người tham gia phỏng vấn với xã hội. Không những thế, khi tiến hành phỏng vấn đòi hỏi SP₁ phải nắm vững bản chất của ngôn ngữ, đồng thời SP₁ không chỉ đơn thuần là người đưa ra các câu

hỏi mà còn cần biết cách nắm bắt tâm lí, trình độ hiểu biết, năng lực ngôn ngữ của SP₂ cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể. Hơn thế, việc giao tiếp, giao tiếp ứng xử ngôn ngữ của SP₁ cũng phải mang đậm nét văn hóa và bản sắc dân tộc.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tài Cẩn (2001), *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Phạm Đức Dương (2000), *Văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.
3. Lương Thị Hiền, *Giá trị văn hóa - quyền lực được đánh dấu qua hành động ngôn từ trong giao tiếp gia đình người Việt*, Ngữ học trẻ 2008.
4. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Giáo trình ngữ dụng học*, Nxb ĐHQG HN.
5. Maria Lukina (2004), *Công nghệ phỏng vấn*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
6. Michael Schudson (2003), *Sức mạnh của tin tức truyền thông*, Nxb Chính trị Quốc gia.
7. Phạm Thị Tuyết Minh, *Một vài biểu hiện của sự vi phạm nguyên tắc lịch sự trong phỏng vấn báo chí*, Ngữ học trẻ 2008.
8. Hoàng Thúy Nga (2008), *Khảo sát ngôn ngữ phỏng vấn trên truyền hình ở Thừa Thiên Huế*, Luận văn thạc sĩ khoa học Báo chí, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG HN.
9. Đái Xuân Ninh, Nguyễn Đức Dân, Nguyễn Quang, Vương Toàn (1984), *Ngôn ngữ học (Khuyh hướng - lĩnh vực - khái niệm)*, Nxb KHXH, HN.
10. Hà Nguyên Sơn (2006), *Ngôn ngữ phỏng vấn trên truyền hình*, Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, Trường ĐH Vinh.
11. Nguyễn Việt Tiến (2002), *Hỏi và câu hỏi theo quan điểm ngữ dụng học*. Luận án tiến sĩ ngữ văn.
12. Hoàng Tuệ, *Một số vấn đề về chuẩn mực hóa ngôn ngữ*, Ngôn ngữ, số 3+4 (1979), trang 137-151.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-03-2010)